

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS - ST

Ngày: 08/6/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lem.

2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa* : Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc H - Sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp PT, xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị R - Sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp PT, xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B - Sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp PT, xã CH, huyện GT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do quen biết và do bà Lê Thị R cần vốn để làm ăn nên ngày 18/02/2021, bà Võ Thị Ngọc H cho bà Rêu vay số tiền 136.000.000đồng, vay không có thời hạn, lãi

suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng. Mục đích vay là để phát triển kinh tế gia đình, đáo hạn ngân hàng.

Tuy nhiên, sau khi vay được tiền thì bà R không trả lãi và nợ gốc cho bà. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà R và chồng là ông Nguyễn Văn B liên đới trả lại cho bà số tiền nợ gốc là 136.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 18/02/2021 đến nay (ngày 8/6/2022) là 15 tháng 20 ngày (nhưng bà chỉ yêu cầu 15 tháng), lãi 1%/tháng là 20.400.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà R vắng mặt và không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B vắng mặt và không có gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Bà Võ Thị Ngọc H yêu cầu bà Lê Thị Rêu và ông Nguyễn Văn B liên đới trả lại số tiền còn nợ là 136.000.000đồng tiền nợ gốc và số tiền lãi tính từ ngày 18/02/2021 đến nay (ngày 8/6/2022) là 15 tháng, lãi 1%/tháng là 20.400.000đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án biên nhận đề ngày 18/02/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà R, ông B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng

vẫn vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Từ đó cho thấy, bà R, ông B đã từ bỏ quyền được tham gia tố tụng để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong khi đó, tại Thông báo giao nộp chứng cứ số: 46/TB - TA ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã yêu cầu bà R, ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không có nợ hoặc nợ nguyên đơn ít hơn số tiền 136.000.000đồng nhưng bà Rêu, ông Bình không chứng minh được.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với sự thật khách quan của sự việc nên cần buộc bà R, ông B liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn nợ là 136.000.000đồng là phù hợp.

Đối với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy: Biên nhận ngày 18/02/2021 không có ghi lãi và nguyên đơn cũng không chứng minh được là vay có lãi. Do vậy, lãi chỉ được tính khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (cụ thể là ngày mà Tòa án nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn (ngày 28/02/2022) với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) với thời gian là 03 tháng 10 ngày với số tiền là 3.762.000đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi 20.400.000đồng là chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Các điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H.

Buộc bà Lê Thị R và ông Nguyễn Văn B liên đới trả lại cho bà Võ Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 136.000.000đồng (một trăm ba mươi sáu triệu đồng) và 3.762.000đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H đối với số tiền lãi là 16.638.000đồng (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị R và ông Nguyễn Văn B liên đới nộp 6.988.000đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ($139.762.000\text{đồng} \times 5\% = 6.988.000\text{đồng}$).

Bà Võ Thị Ngọc H phải nộp 832.000đồng (tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận ($16.638.000\text{đồng} \times 5\% = 832.000\text{đồng}$) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 374.000đồng (ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004767 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Nguyên đơn phải nộp tiếp 458.000đồng (bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú